TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIÊN LƯƠNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **150**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 15-9-2017
V/v tranh chấp: Xin ly hôn
và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG – KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bạch Vân

2. Ông Nguyễn Văn Đạt

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Xuân Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà:*** Không tham gia.

Ngày 15 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp: Xin Ly hôn và nuôi con chung.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2017/QĐXX-ST ngày 11 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phạm Thị U – sinh năm 1982, có mặt.

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Trương Văn B – sinh năm 1975, có mặt.

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Phạm Thị U trình bày: Hai vợ chồng có đăng ký kết hôn và được UBND xã Trường T, huyện Cờ Đ, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2004. Cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trong gia đình. Mỗi lần như vậy là anh B đánh đập, chửi bới chị U và bỏ nhà đi không rõ nguyên nhân. Ngoài ra gia đình anh B mỗi khi chị U về thăm thì mọi người đều có thành kiến và có những lời nói xúc phạm gây ảnh hưởng không tốt đến tâm lý các con của chị. Chị U và anh B đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Chị U thấy cuộc

sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị U được ly hôn với anh Trương Văn B.

Về Con chung: Có 02 cháu tên Trần Thị Loan A – sinh ngày 31/8/2002 và Trần Thị Minh T – sinh ngày 13/9/2004, chị U xin được nuôi cả hai đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh B cấp dưỡng. Hiện nay cháu Anh đang ở với chị U trên Bình D, còn cháu Thư đang ở với bà ngoại ở Hòn Đ, Kiên Giang.

Tài sản chung: 02 bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Thu nhập hàng tháng: Chị U hiện nay đang làm công nhân tại Công ty Giầy trên Bình D, hàng tháng thu nhập khoảng 6.500.000đ đến 7.000.000đ.

Bị đơn anh Trương Văn B trình bày: Anh B và chị U có sống chung với nhau từ tháng 3/2000, nhưng đến năm 2004 mới đăng ký và được UBND xã Trường T, huyện Cờ Đ, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn. Trước kia cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc nhưng thời gian sau này thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và từ năm 2013 đến nay hai vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị U yêu cầu xin ly hôn thì anh B cũng đồng ý.

Về con chung: Có 02 cháu tên Trần Thị Loan A – sinh ngày 31/8/2002 và Trần Thị Minh T – sinh ngày 13/9/2004, nay anh B yêu cầu được nuôi cháu T và đồng ý giao cháu A cho chị U nuôi dưỡng và cả hai không phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Thu nhập hàng tháng: Anh B làm công trên tàu kéo (tàu thủy) ở Sài Gòn, thu nhập hàng tháng khoảng 7.500.000đ, làm chấm công chứ không có bảng lương. Một tháng anh B xin nghỉ phép được 04 ngày, nếu Tòa án giải quyết cho anh được nuôi con thì cháu T sẽ về ở với ông bà nội và anh B sẽ về thăm vào những ngày nghỉ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội Đồng Xét Xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị U có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương giải quyết về Hôn nhân và con chung. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị U và anh B đều khai hai người có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trường Thành, huyện Cò Đỏ, thành phố Cần Thơ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2004. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị U và anh B.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu của chị U xin được nuôi 02 cháu Trần Thị Loan A – sinh ngày 31/8/2002 và Trần Thị Minh T– sinh ngày 13/9/2004 là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ: hiện nay cháu A đang ở chung với mẹ và cháu T đang ở với bà ngoại tại huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, xét nguyện vọng của 02 cháu đều muốn được sống chung với mẹ. Mặt khác do hai cháu là nữ nên việc sống với mẹ là phù hợp cho việc phát triển tâm sinh lý sau này, nên giao con chung cho chị U nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và anh B không phải cấp dưỡng do chị U không có yêu cầu.

Xét yêu cầu của anh B xin được nuôi cháu Trần Thị Minh T là không có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ: Anh B đi làm công trên tài kéo (tàu thủy), mỗi tháng chỉ được nghỉ phép 04 (bốn) ngày là không đảm bảo thời gian để chăm sóc, giáo dục cháu Thư. Mặt khác xét theo nguyện vọng của cháu Thư cũng muốn được ở với mẹ.

[4] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm là 300.000^{đ}, chị U yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí và được khấu trừ vào án phí tạm nộp là 300.000^{đ} theo biên lai thu tiền số 0001772 ngày 25/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang (đã thực hiện xong).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Phạm Thị U và anh Trương Văn B.

- Về con chung: Giao 02 cháu tên Trần Thị Loan Anh – sinh ngày 31/8/2002 và Trần Thị Minh Thư – sinh ngày 13/9/2004 cho chị U nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và anh B không phải cấp dưỡng do chị U không yêu cầu.

Bảo lưu quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng của chị U và anh B.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc con chung.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

2/ Án phí:

Án phí Dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị U phải chịu là 300.000^{đ} án phí sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào án phí tạm nộp là 300.000^{đ} theo biên lai thu tiền số 0001772 ngày 25/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang (đã thực hiện xong).

3/ Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/9/2017).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- Thi hành án DS huyện Kiên Lương;
- Những người TGTT;
- Lưu HS, tập án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Diễm